

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ QUẢNG NAM

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HBTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HBTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Dương Thị	An				27	3	1990	Xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA00003		VT	VT	VT		QNA00109
2	Phạm Thị Phú	Ấn				1	9	1993	Thôn Hương Quế Đông, xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA00025		90.00	48.75	70.00		QNA00052
3	Nguyễn Thị Lan	Anh				18	9	1991	Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kinh tế tài nguyên và môi trường		QNA00076		VT	VT	VT		QNA00180
4	Phan Tuấn	Anh	24	3	1989				Xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Sài Gòn	Kế toán		QNA00108		VT	VT	VT		QNA00184
5	Võ Thị Kim	Anh				6	1	1987	Tổ 9, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA00126		VT	VT	VT		QNA00126
6	Bùi Thị Thu	Ba				12	3	1991	Xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		QNA00139		67.50	58.75	62.50		QNA00117
7	Nguyễn Thị Thu	Ba				25	7	1991	Thôn Phước Tây, xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA00140		75.00	43.75	52.50		QNA00011
8	Nguyễn Hữu Vũ	Bảo	12	1	1993				Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Quản trị - Luật		QNA00149		VT	VT	VT		QNA00091
9	Nguyễn Thị Sơn	Ca				1	11	1994	Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị tài chính		QNA00176		VT	VT	VT		QNA00138
10	Lê Thị Lệ	Cầm				28	3	1991	Xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNA00180		70.00	40.00	75.00		QNA00024
11	Nguyễn Quỳnh	Châu				25	9	1991	Xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA00196		VT	VT	VT		QNA00176
12	Trần Thị	Chiến				1	8	1993	Thôn Xuân Lư, xã Quế Cường, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp	Con NHCS như TB	QNA00231	20	VT	VT	VT		QNA00060
13	Nguyễn Thị Kim	Chung				24	8	1992	Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		QNA00239		VT	VT	VT		QNA00144
14	Hồ Thị	Cúc				1	2	1990	Thôn Trà Đình I, xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA00242		72.50	47.50	47.50		QNA00043
15	Đỗ Hùng	Cường	7	11	1992				Xã Đại Cường, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Hình sự		QNA00249		47.50	36.25	37.50		QNA00124
16	Nguyễn Phú	Cường	10	12	1989				Xã Đại An, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghệ Đồng Nai	Kế toán Kiểm toán		QNA00256		50.00	47.50	60.00		QNA00119
17	Đồng Lê Hạ	Đặng				10	9	1993	Xã Quế Lộc, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Hình sự		QNA00265		VT	VT	VT		QNA00156
18	Mai Thị Phước	Diễm				28	3	1995	Tam Hòa, Đông Phú, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNA00289		47.50	40.00	45.00		QNA00200
19	Huỳnh Thị	Diệu				20	7	1993	Thôn 7, xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Hành chính		QNA00308		75.00	41.25	65.00		QNA00042
20	Nguyễn Thị Mỹ	Dung				8	4	1987	An Phú, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA00366		40.00	42.50	45.00		QNA00104
21	Phạm Thị	Dung				3	1	1993	Khối Sơn Phô 2, phường Cẩm Châu, tp Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA00377		85.00	66.25	80.00		QNA00053
22	Phan Trung	Dũng	28	3	1988				Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Luật	Hệ thống thông tin quản lý		QNA00402		80.00	67.50	62.50		QNA00090
23	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên				5	10	1990	Khu 2, thị trấn Ai Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNA00449		97.50	68.75	90.00		QNA00002

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
24	Trần Thị Thanh	Duyên				31	5	1993	Xã Tam Thăng, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		QNA00456		45.00	33.75	55.00		QNA00093
25	Hồ Thị Lệ	Giang				12	4	1992	Xã Tam Anh Bắc, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA00468		92.50	63.75	92.50		QNA00087
26	La Nguyễn Hạ	Giang				30	11	1991	Kiến An, tp Hải Phòng	Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		QNA00472		VT	VT	VT		QNA00132
27	Nguyễn Thị Hoàng	Giang				6	6	1994	Thôn An Thiện, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNA00482		85.00	47.50	85.00		QNA00171
28	Trần Thị Hương	Giang				29	11	1994	Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Hợp đồng		QNA00498		VT	VT	VT		QNA00069
29	Huỳnh Ngọc	Hà				20	9	1989	Phủ Lộc, xã Đại An, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		QNA00517		52.50	57.50	67.50		QNA00073
30	Phạm Thị Ngọc	Hà				27	6	1994	Phường Phước Hòa, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA00547		VT	VT	VT		QNA00145
31	Hoàng Thị Thu	Hằng				7	12	1992	Xã Bình Lăng, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	QNA00594	20	VT	VT	VT		QNA00028
32	Nguyễn Thị Thúy	Hằng				24	9	1992	Xã Bình Sa, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		QNA00621		92.50	38.75	70.00		QNA00036
33	Huỳnh Thị	Hạnh				4	11	1988	Xã Tam Anh Bắc, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA00656		62.50	35.00	47.50		QNA00141
34	Ninh Thị Hồng	Hạnh				16	3	1989	Khánh Thịnh, xã Tam Thái, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QNA00675		VT	VT	VT		QNA00149
35	Lê Ngọc	Hiền				28	7	1990	Thôn 12, xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA00715		90.00	61.25	67.50		QNA00187
36	Trương Thị Ngọc	Hiền				6	1	1993	Xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		QNA00757		VT	VT	VT		QNA00032
37	Võ Thị	Hiền				16	3	1988	Thôn Quảng Phúc, xã Cam thành Nam, tp Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		QNA00759		67.50	62.50	85.00		QNA00096
38	Nguyễn Ngọc	Hòa	2	11	1993				Phường An Sơn, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		QNA00826		30.00	27.50	60.00		QNA00070
39	Võ Thanh Kim	Huệ				15	11	1991	Thôn 2, xã Tam Thanh, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA00919		VT	VT	VT		QNA00190
40	Lê Thị Lan	Hương				21	5	1988	Phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNA00957		72.50	46.25	62.50		QNA00092
41	Lê Thị Thu	Hương				24	12	1992	Khối Cổ An 3, phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh du lịch		QNA00963		95.00	60.00	72.50		QNA00018
42	Nguyễn Thị	Hương				10	3	1984	Thôn Vân Thạch, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đồng Á	Kế toán		QNA00965		55.00	40.00	47.50		QNA00128
43	Lê Nguyễn Ngọc	Huyền				9	9	1994	Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QNA01035		50.00	68.75	75.00		QNA00062
44	Lê Nguyễn Thanh	Huyền				29	8	1987	Xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng	Con NHCS như TB	QNA01036	20	37.50	33.75	30.00		QNA00131
45	Nguyễn Lê Lê	Huyền				25	1	1992	Phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA01045		72.50	30.00	62.50		QNA00047
46	Trần Thị Bảo	Khánh				1	6	1989	Tổ 9, Thôn 2, xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		QNA01099		VT	VT	VT		QNA00102
47	Hoàng Anh	Khoa	11	10	1994				Xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QNA01101		95.00	65.00	85.00		QNA00146
48	Trần Anh	Khoa	17	6	1991				Khối phố Long Xuyên 1, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		QNA01102		57.50	55.00	62.50		QNA00084

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVu CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
49	Bùi Yến	Khuyên				16	5	1983	Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		QNA01110		VT	VT	MT		QNA00182
50	Nguyễn Thị	Kiều				6	8	1995	Trung Chánh, Tam Mỹ Tây, Núi Thành, Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán nhà nước		QNA01119		65.00	42.50	70.00		QNA00198
51	Dương Thị Giang	Lam				6	9	1992	Kỳ Phong, Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA01129		90.00	61.25	85.00		QNA00074
52	Nguyễn Thị	Lam				15	1	1993	Khố phố Tân Phú, thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QNA01133		92.50	68.75	80.00		QNA00185
53	Phạm Thị Phương	Lam				24	8	1994	Thôn Phú Nham, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật dân sự		QNA01134		VT	VT	VT		QNA00154
54	Nguyễn Thị Thanh	Lan				19	5	1993	Xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh	Con NHCS như TB	QNA01155	20	VT	VT	VT		QNA00063
55	Trần Thị Mỹ	Lan				18	5	1989	Xã Bình Lãnh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA01160		82.50	35.00	75.00		QNA00021
56	Mai Thị	Liên				16	2	1987	Xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		QNA01198		82.50	35.00	60.00		QNA00037
57	Nguyễn Vũ Hòa	Liên				1	1	1991	Xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Hình sự		QNA01207		VT	VT	VT		QNA00077
58	Đoàn Thùy	Linh				12	8	1992	Xã Bình Chánh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		QNA01233		92.50	57.50	82.50		QNA00075
59	Huỳnh Thị	Linh				1	11	1991	Thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA01246		55.00	42.50	72.50		QNA00067
60	Nguyễn Thị Mỹ	Linh				16	10	1993	Thôn Trung Phú II, xã Điện Minh, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNA01273		57.50	55.00	67.50		QNA00111
61	Trương Nguyễn Hoàng	Linh	1	9	1989				Xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA01326		VT	VT	VT		QNA00183
62	Nguyễn Văn	Luận	7	6	1993				Hồng Long, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		QNA01375		50.00	30.00	45.00		QNA00148
63	Nguyễn Thị	Luyến				1	1	1990	Sơn Yên, Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QNA01387		57.50	62.50	67.50		QNA00085
64	Huỳnh Thị	Luyện				26	7	1988	Thôn 7A, xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		QNA01390		67.50	40.00	55.00		QNA00072
65	Đỗ Hoàng Minh	Ly				27	11	1987	Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		QNA01393		VT	VT	VT		QNA00178
66	Nguyễn Thị	Lý				4	4	1991	Thôn 5A, xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNA01433		VT	VT	VT		QNA00068
67	Võ Thị Quỳnh	Mai				20	10	1992	Xã Tam Thăng, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật kinh doanh		QNA01461		VT	VT	VT		QNA00007
68	Lê Thị Tuyết	Minh				28	8	1994	Thôn Lang Châu Bắc, Duy Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật Học	Con TB	QNA01494	20	45.00	43.75	60.00		QNA00152
69	Đặng Thị Hạ	Mơ				29	6	1993	Xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA01511		VT	VT	VT		QNA00057
70	Trần Thị	Mỹ				23	7	1994	Thôn Phước Mỹ 3, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Luật Học		QNA01537		72.50	40.00	65.00		QNA00151
71	Lê	Na				1	5	1993	Thôn La Trung, xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QNA01539		95.00	77.50	80.00		QNA00168
72	Nguyễn Phạm An	Na				1	9	1991	Xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA01542		82.50	67.50	85.00		QNA00055
73	Đào Thị Hồng	Ngân				20	2	1989	Xã Tam Ngọc, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA01603		VT	VT	VT		QNA00147
74	Lê Thị Kim	Ngân				28	2	1991	Xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNA01611		75.00	37.50	87.50		QNA00173

ugh

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
75	Mai Thị Kim	Ngân				18	4	1993	Xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QNA01617		VT	VT	VT		QNA00142
76	Nguyễn Ngọc	Ngân				5	11	1992	Phường 5, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		QNA01622		VT	VT	VT		QNA00143
77	Nguyễn Thị Minh	Ngọc				10	1	1992	Xã Bình Tú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNA01674		87.50	48.75	82.50		QNA0004
78	Trương Thị Hồng	Ngọc				20	11	1992	12/46 Trần Cao Vân, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA01688		VT	VT	VT		QNA00022
79	Võ Thị Bích	Ngọc				7	6	1992	Xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QNA01690		82.50	71.25	75.00		QNA00059
80	Huỳnh Thị Thảo	Nguyên				12	8	1991	Duy An, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Phan Châu Trinh	Tài chính - Ngân hàng		QNA01699		VT	VT	VT		QNA00191
81	Võ Phạm Nhất	Nguyên				30	5	1993	Xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		QNA01715		72.50	58.75	65.00		QNA00009
82	Hoàng Nguyễn Như	Nguyễn				25	1	1992	Tỉnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công và quản lý thuế		QNA01716		70.00	40.00	60.00		QNA00025
83	Dương Nguyễn Ý	Nhân				10	3	1989	Xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA01745		95.00	58.75	67.50		QNA00164
84	Hồ Quý Hoàng	Nhân				31	10	1993	Quảng Phước, Quảng Điện, Tỉnh Thừa Thié - Huế	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế	Con TB	QNA01746	20	VT	VT	VT		QNA00121
85	Trần Thị	Nhân				27	6	1992	Xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNA01753		VT	VT	VT		QNA00179
86	Nguyễn Bá	Nhật	12	8	1993				Xã Điện thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QNA01760		65.00	41.25	60.00		QNA00088
87	Dương Thị Ý	Nhi				3	11	1994	Xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNA01771		57.50	25.00	47.50		QNA00106
88	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi				22	1	1994	Xã Tam Thái, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		QNA01776		VT	VT	VT		QNA00089
89	Nguyễn Phương	Nhi				26	10	1993	Thôn 7, xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		QNA01777		VT	VT	VT		QNA00194
90	Trần Thị Thảo	Nhi				24	5	1994	Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế đầu tư		QNA01788		67.50	50.00	90.00		QNA00014
91	Võ Thị Bảo	Nhi				12	5	1991	Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		QNA01793		42.50	42.50	45.00		QNA00134
92	Lê Thị Quỳnh	Như				15	8	1990	An Xuân, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		QNA01800		VT	VT	VT		QNA00030
93	Lương Thị Cẩm	Nhung				3	3	1989	Tổ 3, khối Xuyên Trung, phường Cẩm Nam, tp Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA01824		VT	VT	VT		QNA00133
94	Phan Thị	Nhung				4	6	1992	Thôn Đông Tây, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA01848		67.50	46.25	67.50		QNA00110
95	Phan Thị Hồng	Nhung				29	9	1990	Diễn Lộc, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán	Con BB	QNA01850	20	80.00	68.75	75.00		QNA00017
96	Bùi Thị Mỹ	Ninh				29	9	1995	Thôn Vĩnh Bình, xã Tam Thăng, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA01863		70.00	58.75	87.50		QNA00127
97	Trần Thị	Nờ				19	9	1992	Tổ 2, thôn Hà Quang, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế- Đại học Huế	Kế toán Kiểm toán		QNA01867		82.50	53.75	72.50		QNA00008
98	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh				5	10	1992	Xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		QNA01896		87.50	48.75	82.50		QNA00137
99	Nguyễn Thị Mỹ	Phong				6	6	1990	Xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNA01921		57.50	23.75	65.00		QNA00103
100	Nguyễn Thị	Phước				14	11	1988	Thôn Lãn An, xã Quế Long, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA01943		VT	VT	VT		QNA00167
101	Nguyễn Thị	Phương				18	8	1994	Xã Tam Thanh, Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	QNA01984	20	92.50	52.50	65.00		QNA00065

ngb

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
102	Nguyễn Thị Diệu	Quyên				10	12	1994	Thôn Diêm Phổ, xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		QNA02078		77.50	53.75	60.00		QNA00013
103	Nguyễn Thị Lê	Quyên				14	3	1991	Thôn 1, xã Tiên Ngọc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA02080		VT	VT	VT		QNA00166
104	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên				22	4	1987	Xã Tam Phú, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02081		35.00	30.00	57.50		QNA00163
105	Trần Thị Như	Quỳnh				13	4	1992	Cẩm phò, tp Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		QNA02130		VT	VT	VT		QNA00098
106	Huỳnh Hưng	Sang	2	9	1988				Trung An, Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	QNA02138	20	VT	VT	VT		QNA00140
107	Nguyễn Lê Thị Hương	Sen				1	5	1994	Xã Tam Thái, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		QNA02143		47.50	20.00	40.00		QNA00201
108	Võ Thị	Sinh				4	1	1991	Xã Điện Minh, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNA02148		52.50	37.50	62.50		QNA00114
109	Lê Thị	Sương				19	10	1989	Thôn Phú Nguyên, xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02163		55.00	30.00	62.50		QNA00125
110	Nguyễn Phú	Tài	2	6	1994				Xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Thương mại		QNA02174		VT	VT	VT		QNA00001
111	Phan Đình	Tam	23	8	1994				Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Sài Gòn	Luật Thương mại quốc tế		QNA02177		VT	VT	VT		QNA00038
112	Hoàng Thị Thanh	Tâm				27	6	1994	Thôn 6, xã Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán	Con NHCS như TB	QNA02184	20	97.50	60.00	90.00		QNA00196
113	Nguyễn Thị Minh	Tâm				12	1	1990	Xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02198		82.50	47.50	75.00		QNA00031
114	Nguyễn Thị Yên	Tâm				2	1	1992	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		QNA02202		27.50	38.75	52.50		QNA00035
115	Trương Thiện	Tâm				21	11	1993	Xã Tam Xuân, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA02212		97.50	46.25	70.00		QNA00023
116	Phan Thị Minh	Thái				24	6	1990	Thôn 5, xã Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	QNA02222	20	85.00	60.00	77.50		QNA00049
117	Đỗ Thị Xuân	Thắm				29	9	1994	Xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNA02226		70.00	41.25	77.50		QNA00064
118	Phan Thị Thanh	Thắm				2	2	1991	Xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		QNA02236		70.00	37.50	75.00		QNA00113
119	Trần Duy	Thanh	23	9	1993				Thôn Phú Nham, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh quốc tế		QNA02275		67.50	51.25	80.00		QNA00080
120	Nguyễn Thị Thanh	Thảo				1	12	1991	Thôn Hòa Bình, xã Tam Thái, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02365		VT	VT	VT		QNA00061
121	Nguyễn Thị Thanh	Thảo				15	7	1989	03 Nguyễn Thái Học, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		QNA02363		92.50	56.25	50.00		QNA00034
122	Nguyễn Thu	Thảo				19	11	1992	Xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		QNA02375		VT	VT	VT		QNA00050
123	Trần Thị Phương	Thảo				6	1	1986	Xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đông Á	Kế toán		QNA02390		VT	VT	VT		QNA00120
124	Trịnh Thị Ngọc	Thảo				16	7	1990	Thị trấn Tân An, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QNA02396		57.50	45.00	45.00		QNA00071
125	Trần Thị	Thị				4	10	1991	Thôn Long Thanh, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA02415		52.50	27.50	47.50		QNA00012
126	Đỗ Thị Thu	Thiệt				29	2	1992	Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển	Con TB	QNA02423	20	97.50	60.00	87.50		QNA00048
127	Hồ Quốc	Thịnh	20	1	1989				Thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh quốc tế		QNA02428		87.50	48.75	77.50		QNA00095

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVu CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
128	Trần Thị Minh	Thơ				4	9	1993	Thôn Mông Nghệ Đông, xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng	Con NHCS như TB	QNA02442	20	VT	VT	VT		QNA00193
129	Nguyễn Thị Ngọc	Thông				5	4	1994	Nam Hà I, Điện Trung, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán		QNA02461		87.50	57.50	72.50		QNA00197
130	Đỗ Thị Bích	Thư				2	11	1988	Xã Tam Xuân, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNA02490		60.00	40.00	65.00		QNA00100
131	Đỗ Thị Mai	Thư				5	12	1992	Xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02491		70.00	48.75	67.50		QNA00150
132	Trần Thị Anh	Thư				16	3	1987	Phường Hòa Thuận, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		QNA02510		VT	VT	VT		QNA00169
133	Võ Thị Quỳnh	Thư				10	8	1990	Thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		QNA02511		VT	VT	VT		QNA00004
134	Trương Văn	Thuận	18	5	1981				Xã Tiên Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ		QNA02521		VT	VT	VT		QNA00083
135	Ca Trần Hoài	Thương				7	11	1991	Phường Trường Xuân, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		QNA02524		75.00	58.75	67.50		QNA00044
136	Dương Thị Hồng	Thương				27	7	1986	Phường Tân An, tp Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đại học Huế	Luật		QNA02528		VT	VT	VT		QNA00118
137	Nguyễn Thị	Thương				9	5	1991	Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QNA02544		60.00	32.50	62.50		QNA00046
138	Nguyễn Thị Minh	Thúy				12	1	1991	Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, tp Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		QNA02587		VT	VT	VT		QNA00136
139	Trương Thanh	Thủy				17	1	1990	Xã Đại An, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		QNA02669		VT	VT	VT		QNA00175
140	Lê Thanh	Tiên	9	11	1991				Xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh -Quản trị nhân lực		QNA02672		VT	VT	VT		QNA00076
141	Hoàng Vy	Tin				27	1	1990	Tổ Đồng Trường 2, thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		QNA02693		92.50	60.00	77.50		QNA00019
142	Trần Nguyễn Nguyệt	Tin				25	12	1989	Xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QNA02694		VT	VT	VT		QNA00094
143	Nguyễn Thị Minh	Tín				1	1	1989	Xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Phan Châu Trinh	Tài chính - Ngân hàng		QNA02696		VT	VT	VT		QNA00115
144	Võ Phạm Ánh	Tinh				10	10	1993	Xã Tiên Phong, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNA02706		40.00	27.50	35.00		QNA00161
145	Lê Thị Ngọc	Trâm				5	1	1991	Điện Thăng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		QNA02742		VT	VT	VT		QNA00181
146	Trương Thị Bích	Trâm				1	8	1993	Phường An Phú, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán nhà nước		QNA02755		72.50	31.25	70.00		QNA00199
147	Hồ Thị Huyền	Trang				26	11	1988	Sơn Phổ, Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Ngân hàng		QNA02782		45.00	40.00	37.50		QNA00159
148	Lê Thị Huyền	Trang				18	4	1993	Châu Sơn, Ba Vì, tp Hà Nội	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02802		VT	VT	VT		QNA00177
149	Lê Thị Thu	Trang				1	1	1994	Xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		QNA02807		77.50	37.50	67.50		QNA00130
150	Mai Thị Diễm	Trang				9	11	1993	Tổ 17, phường Nghĩa Chánh, tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		QNA02815		VT	VT	VT		QNA00041
151	Nguyễn Thị Thục	Trang				23	3	1991	Khố phố Mỹ Thạch Trung, phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNA02852		70.00	30.00	57.50		QNA00112
152	Phạm Thị	Trang				22	1	1993	Xã Tam Hòa, huyện Núi thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		QNA02864		67.50	36.25	37.50		QNA00107
153	Phạm Thị Thảo	Trang				9	11	1992	Thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA02867		VT	VT	VT		QNA00188

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVu CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
154	Phan Thị	Trang				23	2	1990	Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Ngoại thương	Tài chính quốc tế		QNA02870		VT	VT	VT		QNA00039
155	Trương Thị Hồng	Trang				13	5	1991	Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		QNA02909		45.00	33.75	65.00		QNA00026
156	Nguyễn Thị	Triều				8	3	1991	Phường Trường Xuân, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		QNA02924		77.50	63.75	80.00		QNA00160
157	Bùi Thị Chu	Trình				1	6	1987	Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		QNA02930		45.00	MT	28.5	Cảnh cáo	QNA00116
158	Đinh Thị Tú	Trình				11	7	1991	Quảng Lăng 3, Điện Nam Trung, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kiểm toán	Con NHCS như TB	QNA02934	20	57.50	50.00	62.50		QNA00195
159	Lê Kiều	Trình				19	8	1990	Kim Đôi, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		QNA02937		77.50	60.00	72.50		QNA00006
160	Phan Thị Kim	Trung				28	9	1986	Thôn Thành Mỹ, xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Nha Trang	Kế toán	Con NHCS như TB	QNA02967	20	90.00	45.00	85.00		QNA00027
161	Trương Quang	Tuấn	22	2	1991				Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Quản trị kinh doanh		QNA03016		65.00	36.25	67.50		QNA00108
162	Lê Thị Ngọc	Tuyền				8	5	1990	Thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		QNA03030		67.50	58.75	72.50		QNA00162
163	Nguyễn Thị	Tuyền				6	7	1990	Xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		QNA03032		45.00	37.50	55.00		QNA00158
164	Phạm nguyên Phương	Uyên				2	8	1994	Khố phố Mỹ Thạch Tây, phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		QNA03064		92.50	80.00	72.50		QNA00016
165	Châu Thị Hoàng	Uyên				26	5	1990	Xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNA03069		47.50	45.00	57.50		QNA00105
166	Lê Thị Tùng	Vi				15	10	1981	Xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp		QNA03117		50.00	36.25	65.00		QNA00086
167	Trần Thị Thùy	Vi				21	3	1991	Xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		QNA03126		82.50	35.00	62.50		QNA00051
168	Võ Thị Yến	Vi				18	9	1990	Xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng	Con NHCS như TB	QNA03127	20	72.50	32.50	67.50		QNA00172
169	Bùi Như	Viên	24	1	1994				Thôn 7, xã Tam Mỹ, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Quản trị		QNA03129		VT	VT	VT		QNA00081
170	Nguyễn Đức	Vũ	2	9	1989				Khố phố Hương Sơn, phường Hòa Hương, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		QNA03169		57.50	41.25	72.50		QNA00186
171	Lê Thụy Tường	Vy				1	5	1994	Khố phố 4, phường Trường Xuân, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị tài chính		QNA03185		VT	VT	VT		QNA00135
172	Nguyễn Thị Tùng	Vy				15	5	1994	Bản Long, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Sài Gòn	Kế toán		QNA03189		42.50	45.00	70.00		QNA00003
173	Võ Hoàng Trúc	Vy				29	1	1992	TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán		QNA03193		VT	VT	VT		QNA00139
174	Dương Thị	Xuân				2	7	1990	Giao Thủy, Bình Thới, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính - Ngân hàng		QNA03202		72.50	62.50	62.50		QNA00005
175	Đinh Thị Cẩm	Y				19	11	1992	Hòa Bình, xã Tam Thái, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Huế	Luật dân sự		QNA03215		VT	VT	VT		QNA00174
176	Trương Thị Hồ	Yên				1	10	1993	Xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		QNA03225		55.00	32.50	55.00		QNA00153
177	Huỳnh Thị Phú	Yên				20	9	1994	Xã Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán	Con NHCS như TB	QNA03236	20	85.00	67.50	75.00		QNA00099
178	Lê Thị Hoàng	Yên				13	3	1991	Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		QNA03238		VT	VT	VT		QNA00189
179	Nguyễn Thị Kim	Yên				19	12	1992	Xuân Tây 3, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đông Á	Kế toán		QNA03255		32.50	27.50	50.00		QNA00129

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
180	Nguyễn Thị Kim	Yến				29	8	1992	Xã Điện Phong, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		QNA03254		52.50	22.50	47.50		QNA00078
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Nguyễn Thế	Bảo	2	1	1987				Xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử - Viễn thông		QNA03273		55.00	21.25			QNA00066
2	Nguyễn Đức	Duy	24	11	1986				Xã Tam Thái, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh	Điện tử - Viễn thông		QNA03280		52.50	43.75			QNA00101
3	Trần Thị Minh	Hiền				10	8	1990	Xã Tam Mỹ, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Điện tử - Viễn thông		QNA03284		52.50	35.00			QNA00082
4	Nguyễn Xuân	Hưng	25	10	1984				Phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Công nghệ thông tin		QNA03290		42.50	28.75			QNA00045
5	Nguyễn Trung	Tin	15	6	1994				Xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Công nghệ thông tin		QNA03321		57.50	23.75			QNA00033
6	Mai Xuân	Tính	10	8	1987				Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Điện tử - Viễn thông		QNA03323		27.50	30.00			QNA00170
7	Võ Ngọc	Viên	5	8	1991				Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Công nghệ thông tin	Con TB	QNA03340	20	60.00	52.50			QNA00015
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
1	Zơ Răm	Cơ	7	10	1992				Xã Đắc tôi, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Đại học Đông Á	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	DTTS	QNA03341	20	VT	VT	VT		QNA00054
2	Nguyễn Hồng	Ninh	4	2	1989				Xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam	Học viện hành chính Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Hành chính học	Con NHCS như TB	QNA03345	20	85.00	36.25	67.50		QNA00079
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Huỳnh Thái Thủy	Tiên				20	10	1985	Thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Trung học Kinh tế kỹ thuật Phương Đông	Văn thư- Lưu trữ		QNA03483		68.00	68.00	92.00		QNA00020
2	Đỗ Thị Mỹ	Trinh				10	6	1991	Xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Nội vụ Hà Nội	Hành chính văn phòng		QNA03484		76.00	44.00	68.00		QNA00165

ngt